TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH NHAI** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2024/HS-ST
Ngày 26/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH NHAI, TỈNH SƠN LA

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Hoan
2. Bà Vũ Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Cầm Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

Đại diện VKSND huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/TLST - HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Lò Văn H**, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1986 tại xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Đảng phái đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Lò Văn C, sinh năm 1956 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1956. Bị cáo có vợ là Điêu Thị L, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2024 cho đến ngày 13/8/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh, đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. **Lò Văn N**, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1977 tại xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Đảng phái đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 3/12; Con ông Lò Văn C, sinh

năm 1956 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1956. Bị cáo có vợ là Lò Thị Đ, sinh năm 1980 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 cho đến ngày 13/8/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh,đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. **Lò Văn S**, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1973 tại xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản Q, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Đảng phái đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông Lò Văn Ạ và bà Lò Thị N(Đều đã chết). Bị cáo có vợ là Cầm Thị P, sinh năm 1970 và có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 cho đến ngày 13/8/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh,đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Đỗ Anh T, sinh năm 1988. Trú tại: Bản B, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Hoàng Đức C, sinh năm 1995**.** Trú tại: Bản B, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn H:* Bà Trần Bích L – Luật sư, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn N:* Ông Nguyễn Bá L – Luật sư, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1966. Trú tại Bản B, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Anh Lò Văn T, sinh năm 1988. Trú tại: Bản B, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Chị Lò Thị C, sinh năm 1991. Trú tại: Bản B, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Ông Lò Văn C, sinh năm 1956. Trú tại: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1956. Trú tại: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

6. Bà Lò Thị S, sinh năm 1980. Trú tại: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

7. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1979. Trú tại: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh

Sơn La. Có mặt.

8. Anh Sằn Văn C, sinh năm 2000. Trú tại: Bản N, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

9. Chị Điêu Thị L, sinh năm 1989. Trú tại: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

10. Ông Lò Văn Ú, sinh năm 1975. Trú tại: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/5/2024, Lò Văn H, sinh năm 1986, trú tại Bản P, xã C, huyện Q đang đi làm thuê ở TP. Hải Phòng, khi xem camera an ninh kết nối với điện thoại lắp đặt ở nhà tại Bản B, xã M, huyện Q thì phát hiện Điêu Thị L (vợ H) đi sang nhà của Đỗ Anh T, sinh năm 1988, trú cùng bản, nghi ngờ vợ và T có quan hệ bất chính với nhau, ngày 25/5/2024, H bắt xe khách về nhà để làm rõ sự việc. Đến khoảng 05 giờ sáng 30/5/2024, H cầm theo 01 đoạn gậy bi - a cũ đã gãy một nửa đi sang nhà của Đỗ Anh T (H không có lời nói đe dọa, ép buộc T) và bảo T sang nhà H có việc. Khoảng 06 giờ sáng cùng ngày H gọi điện thoại cho Hoàng Thị L, Lò Văn T, Lò Thị C, Lò Văn C, Hoàng Thị C, Lò Thị S và Hoàng Văn T (là những người thân của H) đến nhà để chứng kiến sự việc. Khi mọi người có mặt H hỏi L và T về mối quan hệ tình cảm giữa hai người, L và T thừa nhận được quan hệ tình dục với nhau 04 lần đều tại nhà của Đỗ Anh T. Do bức xúc H dùng tay phải đập xuống mặt bàn T đang ngồi và nói *"bốn phát thì đưa 50 triệu ra đây để bồi thường tổn thất danh dự cho em, nếu không có thì đừng hòng bước chân ra khỏi nhà",* T không nói gì, H hỏi tiếp *"thế anh tính như thế nào?",* T trả lời *"giờ kinh tế đang khó khăn nên anh không có số tiền lớn như vậy"*, H nói *"nếu không có thì anh phải viết giấy em giữ lấy tài sản của anh để đảm bảo"*, sau đó H đưa cho T 01 chiếc bút loại chữ A và 01 quyển vở ô li để T viết *"Giấy bồi thường tổn thất tinh thần",* trong đó có nội dung T thừa nhận được quan hệ tình dục với L 04 lần đồng thời yêu cầu T kê tài sản hiện có để đảm bảo đủ số tiền 50 triệu đồng. Quá trình viết giấy T kê tài sản được 42 triệu đồng, một lúc sau T đứng dậy ra ngoài nói chuyện điện thoại, H quát *"mẹ mày ai cho phép mày gọi điện, việc của mày ở đấy à, việc của mày ở đây cơ mà, tao đã cho mày gọi điện chưa"*, đồng thời H lấy một ghế bằng inox giơ lên để đánh T, T giơ tay trái lên để đỡ nên H không đánh mà dùng tay túm tóc lôi T vào bàn để ngồi viết tiếp, nhưng T không viết, thấy vậy H túm tóc T giật ngược ra đằng sau để đe dọa T và ép buộc T viết rồi ký, ghi rõ họ tên vào trong giấy bồi thường. Mục đích viết số tiền 50 triệu đồng trong nội dung giấy bồi thường là để đe dọa, ép buộc T,

H không có ý định lấy toàn bộ số tiền trên. Sau khi T viết và ký xong, H nhờ Sằn Văn C, sinh năm 2000, trú tại bản N, xã C và Lò Văn T, sinh năm 1988, trú tại bản B, xã M ký vào giấy bồi thường với tư cách là người chứng kiến. Sau đó, H nói với T *"bây giờ cho anh về chuẩn bị tiền trong vòng 24 giờ, nếu không có tiền thì em sang lấy đồ nhà anh theo biên bản".* T đi ra khỏi nhà của H vào khoảng 10 giờ sáng cùng ngày.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, không thấy T sang đưa tiền nên H đã cùng Lò Văn N, sinh năm 1977 trú tại bản P, xã C (anh trai ruột của H) để hỏi, T trả lời chưa có, sau đó H yêu cầu T sang nhà của H. Khi đến nhà H, T ngồi vào bàn uống nước giữa nhà, H nói với T nếu không trả tiền sẽ trói T lại, sau đó H lấy 01 đoạn dây thừng màu trắng, dài khoảng 02 mét trói hai tay của T lại để uy hiếp tinh thần buộc T phải đưa tiền, nếu không có tiền sẽ trói nhốt đến lúc nào có tiền đưa mới cho về. Trói được khoảng 01 phút, T nói với T (Anh rể của H) *"giờ trói thế này thì sao lo được tiền",* nghe vậy T nói với H cởi trói cho T, H đồng ý cởi trói và cho T đi về nhà. Sau đó, H gọi điện cho ông Lò Văn S (Là bố nuôi của H), sinh năm 1973 trú tại Bản Q, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La sang nhà H có việc. Khi S đến nhà, H đã kể lại toàn bộ nội dung và quá trình giải quyết sự việc xảy ra cho ông S nghe. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H nói với C, T, N và S *"Đi sang nhà T xem nó có tiền chưa, nếu chưa có thì lấy đồ của nó"*, C, T, N và S đi cùng H. Thấy T đang ngồi ở bàn uống nước giữa nhà H nói với T *"như thế nào tiền nong, chuyển được chưa?",* T trả lời *"chưa, từ từ đã nó chưa chuyển cho"*, H nói *"tao cho mày 30 phút, nếu không có thì tao lấy tivi, xe máy, có gì tao sẽ lấy theo giấy mày viết",* S nói theo *"nếu không có tiền thì cứ theo giấy này mà lấy đồ",* T nói *"cái này phải ra pháp luật",* H nói *"ừ ra pháp luật mày gọi công an thì mày gọi thôi, tao không gọi, tao cứ lấy theo giấy mày viết"*, nói xong H đi ra ngoài, thì C, N, T đi ra ngoài, còn S vẫn ngồi trong nhà với T. Một lúc sau, H quay lại phòng khách tháo lấy 01 ti vi nhãn hiệu Samsung, 50 Inch bê ra ngoài đưa chiếc Tivi vừa lấy được cho N mang về nhà cất giữ, H quay lại tiếp tục lấy 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn bạc, BKS: 29M1-543.32 đang dựng ở hiên nhà của T, S đang đứng ở cửa nhà T, S nói với H *"làm giấy tờ, mình đã lấy cái gì thì viết giấy cho người ta",* H nói *"ừ thế thì chú viết cho cháu đi",* Sinh trực tiếp viết vào cuối tờ giấy bồi thường tổn thất tinh thần về tạm giữ tài sản. Sau đó, H dắt xe máy của T đem về nhà mình, H quay lại S đưa giấy cho H viết biên bản tạm giữ tài sản, do H không biết viết nội dung nên S đã đọc và hướng dẫn cho H viết *"Biên bản tạm giữ tài sản"* rồi ký xác nhận và đưa biên bản cho T. Sau khi lấy được 01 chiếc ti vi và 01 chiếc xe máy của T, H đã chấm dứt, không lấy thêm tài sản nào khác, cũng không yêu cầu T trả đủ

số tiền như trong giấy bồi thường tổn thất tinh thần, ngày 31/5/2024 H cùng vợ là Điêu Thị L xuống làm thuê tại Thành phố Hải Phòng.

Ngày 01/6/2024, Đỗ Anh T đã làm đơn tố giác toàn bộ nội dung sự việc trên đến Công an xã M, huyện Q.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) Ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu Samsung, vỏ nhựa màu đen; mẫu sản phẩm UA9N5500AK; kiểu sản phẩm: UA49N550; loại 50 Inch; sản xuất năm 2019, đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn bạc, biển kiểm soát 29M1-543.32; số khung: RLCS3S3106Y100126; số máy: 3S31100126, xe tháo hết yếm, đã qua sử dụng.

- 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, dung lượng 32 GB lưu trữ 02 (hai) video + 02 (hai) ảnh ghi hình quá trình Lò Văn H tự ý tháo lấy tivi và dắt xe máy của Đỗ Anh T vào ngày 30/5/2024.

- 01 (một) dây thừng màu trắng, được bện xoắn lại từ 4 dây nhỏ, dài 388 cm, đường kính 0,6 cm, dây đã qua sử dụng, do Lò Văn H giao nộp và khai nhận đây là dây thừng H sử dụng để trói hai tay của Đỗ Anh T vào chiều ngày 30/5/2024.

- 01 (một) ghế đôn chân đế vòng, chất liệu inox, mặt ghế được dập nổi dòng chữ "TUẤN HƯƠNG INOX 100%", đường kính 30 cm; chân ghế vòng đường kính 40 cm, được gắn 4 vòng cao su màu đen, đã qua sử dụng, do Lò Văn H giao nộp và khai nhận đây là ghế mà H sử dụng để đe dọa Đỗ Anh T vào sáng ngày 30/5/2024.

- 01 (một) đoạn khớp nối của gậy bi a 3 khúc (phần khúc giữa), dài 38 cm; thân gậy hình trụ gồm một đầu to và một đầu nhỏ, phần đầu to đường kính 2,9 cm, gắn một con ốc đã bị gỉ sét; phần đầu nhỏ đường kính 2,2 cm, có gắn phần khớp nối bằng kim loại màu trắng dài 4,7 cm; trên thân gậy được phủ một lớp nhựa cứng màu đen có họa tiết màu xanh trắng; đã qua sử dụng, do Lò Văn H giao nộp và khai nhận đó là một đoạn gậy bi a mà bản thân sử dụng để đe dọa Đỗ Anh T vào sáng ngày 30/5/2024.

Ngày 10/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 157/YC, đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Q tiến hành định giá đối với 01 (một) Ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu Samsung, vỏ nhựa màu đen; mẫu sản phẩm UA9N5500AK; kiểu sản phẩm: UA49N550; loại 50 Inch; sản xuất năm 2019, đã qua sử dụng và 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn bạc, biển kiểm soát 29M1-543.32; số khung: RLCS3S3106Y100126; số máy: 3S31100126, xe tháo hết yếm, đã qua sử dụng do Lò Văn H chiếm đoạt của Đỗ Anh T.

Tại kết luận định giá tài sản số: 05/KL ngày 12/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: "Ti vi đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng được giá trị còn lại là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Xe máy đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng được giá trị còn lại là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tổng giá trị của 02 tài sản là: 7.000.000đ (bảy triệu đồng)". Ngày 01/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 144/QĐ trưng cầu Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Sơn La giám định đối với 02 (hai) video + 02 (hai) ảnh ghi hình quá trình Lò Văn H tự ý tháo chiếc tivi và dắt xe máy để chiếm đoạt tài sản của Đỗ Anh T vào ngày 30/5/2024.

Tại kết luận giám định số 1440/KL ngày 09/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: "02 file video và 02 file ảnh gửi giám định không bị cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung". Hoàn lại toàn bộ mẫu vật gửi giám định.

Quá trình điều tra các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N, Lò Văn S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS-QN ngày 28/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N và Lò Văn S về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội đối với các bị cáo, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ đã thu tập trong quá trình điều tra, cũng như diễn biến tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N, Lò Văn S phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Lò Văn H từ 14 tháng đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 tháng đến 32 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26 tháng 9 năm 2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Lò Văn N từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26 tháng 9 năm 2024.

Xử phạt Lò Văn S từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26 tháng 9 năm 2024.

Giao các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Lò Văn S cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về phần dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 592 BLDS năm 2015 chấp nhận việc tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về danh dự, nhân phẩm tổng số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).* Việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, các bị cáo Lò Văn H và Lò Văn N là người dân tộc thiểu số, sống vùng đặc biệt khó khăn. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn H và Lò Văn N.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Lò Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ *(Hai trăm nghìn đồng).*

Quan điểm bào chữa của luật sư Trần Bích L đối với bị cáo Lò Văn H: Sau khi bị bắt và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thật thà khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi

thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ, thể hiện việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng sâu, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên điều này cũng ảnh hưởng lớn đến nhận thức pháp luật của bị cáo. Sự việc xẩy ra có một phần lỗi của người bị hại đã vi phạm luật hôn nhân gia đình. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có hai con còn nhỏ, bố mẹ bị cáo đã già yếu cần bị cáo nuôi dưỡng, chăm sóc. Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần này là lần đầu, người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 65 BLHS để ra một bản án phù hợp với tính chất mức độ hành vi của bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân văn của pháp luật nước ta. Luật sư cho rằng do bị cáo đã nhận thức được sai lầm của mình, đã thể hiện sự ăn năn hối cải nên vẫn còn có cơ hội cải tạo bị cáo trở T người công dân có ích cho xã hội,với một bản án với hình phạt từ 12 đến 16 tháng tù cho hưởng án treo là đã đủ để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Mong Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng cho bị cáo Lò Văn H một cơ hội để sửa chữa lỗi lầm của mình, phấn đấu cải tạo để trở T người công dân có ích cho xã hội. Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiện đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/ UBTVQH ngày 20/12/2016.

Quan điểm bào chữa của luật sư Nguyễn Bá L đối với bị cáo Lò Văn N: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Lò Văn N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi mà bản thân đã thực hiện. Bị cáo có mối quan hệ với bị cáo H là anh em ruột, do nhận thức pháp luật còn hạn chế, không suy nghĩ gì nên đã cùng H mang chiếc ti vi của bị hại về nhà. Bị cáo không có động cơ gì, mục đích đơn giản cũng chỉ là giúp em trai mình. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tích cực khắc phục hậu quả và hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo có bố đẻ là ông Lò Văn C tham gia kháng chiến chống Mỹ, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Ba. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 58 điều 65 BLHS để ra một bản án phù hợp với tính chất mức độ hành vi của bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân văn của pháp luật nước ta. Bị cáo đã nhận thức được sai lầm của mình, đã thể hiện sự ăn năn hối cải nên vẫn còn có cơ hội cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội,với một bản án với hình phạt từ 10 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo là đã đủ để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Mong

Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng cho bị cáo Lò Văn N một cơ hội để sửa chữa lỗi lầm của mình, phấn đấu cải tạo để trở thành người công dân có ích cho xã hội. Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiện đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/ UBTVQH ngày 20/12/2016.

Tại phiên tòa, bị hại Đỗ Anh T trình bày: Anh đã nhận đủ số tiền bồi thường 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*, nay không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Một phần lỗi cũng do bị hại, mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo, để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án. Bào chữa của Luật sư. Lời nói sau cùng của các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N, Lò Văn S thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có đủ căn cứ xác định: Ngày 30/5/2024 Lò Văn H, sinh năm 1986, trú tại Bản P, xã C, huyện Q có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực (cụ thể: dùng ghế inox giơ lên để đánh, dùng tay túm tóc, dùng dây trói hai tay) ép buộc Đỗ Anh T thừa nhận việc quan hệ tình dục với

Điêu Thị L (vợ H) và ép buộc T viết giấy bồi thường tổn thất tinh thần cho H số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*. Khoảng 19 giờ ngày 30/5/2024, H đã chiếm đoạt 01 (một) Ti vi và 01 (một) xe máy, sau khi lấy được 01 chiếc ti vi và 01 chiếc xe máy, H đã chấm dứt, không lấy thêm tài sản, không yêu cầu T trả đủ số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* như nội dung trong giấy bồi thường tổn thất tinh thần, tổng giá trị tài sản Lò Văn H cưỡng đoạt là 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)*.

Khoảng 19 giờ ngày 30/5/2024, Lò Văn S, sinh năm 1973, trú tại Bản Q, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La và Lò Văn N, sinh năm 1977, trú tại Bản P, xã C, huyện Q tiếp nhận ý chí từ H, cùng H sang nhà T nhằm mục đích cùng H uy hiếp tinh thần T yêu cầu T trả tiền theo biên bản thỏa thuận, nếu không có tiền sẽ lấy tài sản của T. Lò Văn N có hành vi giúp sức nhận lấy chiếc ti vi từ H mang về nhà cất giữ, Lò Văn S có lời nói tiếp thêm ý chí cho H, trực tiếp viết vào cuối trang giấy bồi thường tổn thất tinh thần về việc tạm giữ tài sản của T, đọc và hướng dẫn H viết *"Biên bản tạm giữ tài sản",* tạo thuận lợi cho H chiếm đoạt tài sản của T gồm 01 (một) Ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu Samsung, loại 50 Inch và 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn bạc, BKS: 29M1- 543.32 của Đỗ Anh T với tổng giá trị tài sản là 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)*.

Do đó, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N, Lò Văn S phạm tội Cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo theo khoản 1, Điều 170 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo Lò Văn H đã trực tiếp đe dọa, dùng vũ lực, ép buộc bị hại viết giấy bồi thường tổn thất tinh thần để cưỡng đoạt tài sản, nên bị cáo Lò Văn H là người có vai trò chính, Lò Văn N, Lò Văn S đã tiếp nhận ý chí từ H, giúp H, tạo điều kiện thuận lợi cho H cưỡng đoạt tài sản của Đỗ Anh T, do đó các bị cáo Lò Văn N và Lò Văn S đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực.

Xét về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không phân công nhiệm vụ, câu kết chặt chẽ với nhau, các bị cáo vì nể tình anh em trong gia đình nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Qúa trình điều tra, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay xác định bị cáo Lò Văn H là người giữ vai trò chính, còn các bị cáo Lò Văn N và Lò Văn S đồng phạm với vai trò giúp sức để cùng thực hiện ý chí phạm tội của từng bị cáo, do đó cần vận dụng Điều 58 BLHS để cá thể hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N có bố để là ông Lò Văn C người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, người dân tộc thiểu số sống vùng đặc biệt khó khăn. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án tiền sự. Trong quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

[5] Xét về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, của các Luật sư bào chữa, các bị cáo và của gia đình bị cáo, người bị hại đề nghị cho các bị cáo được hưởng mức phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử, thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được chính quyền địa phương xác nhận, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, bởi các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng mức án phạt tù cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, cho bị cáo cơ hội cải tạo ngoài cộng đồng cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung, đồng thời cũng thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, thể hiện đường lối xét xử nghiêm trị kết hợp giáo dục cải tạo, nên áp dụng khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Như vậy, các bị cáo có đủ điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 07/9/2022 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo;

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú và gia đình trực tiếp giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại

Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[6] Các bị cáo Lò Văn H; Lò Văn N và Lò Văn S đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, do các bị cáo được Tòa án tuyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cho nên mọi biện pháp ngăn chặn đang áp dụng phải được hủy bỏ do vậy Hội đồng xét xử hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đảm bảo đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, cho thấy các bị cáo thu nhập không ổn định, gia đình khó khăn. Nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về danh dự, nhân phẩm tổng số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, ngoài ra bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[9] Về vật chứng của vụ án:

1) Đối với: 01 (một) Ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu Samsung, vỏ nhựa màu đen; mẫu sản phẩm UA9N5500AK; kiểu sản phẩm: UA49N550; loại 50 Inch; sản xuất năm 2019, đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định chiếc ti vi thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng anh Đỗ Anh T; 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn bạc, BKS: 29M1-543.32; số khung: RLCS3S3106Y100126; số máy: 3S31100126, xe đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định chiếc xe máy nêu trên thuộc quyền quản lý hợp pháp của Đỗ Anh T. Ngày 12/8/2024, anh T có đơn xin lại tài sản, cùng ngày, cơ quan CSĐT Công an huyện Quỳnh Nhai đã ra quyết định xử lý vật chứng số: 190/QĐ trả lại những vật chứng nêu trên cho Đỗ Anh T. Hội đồng xét xử xét thấy việc trả lại tài sản nêu trên của cơ quan CSĐT Công an huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La là đảm bảo căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Cần chấp nhận.

2) Đối với: 01 (một) phong bì niêm phong mẫu của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La. Mặt trước ghi: Vật chứng vụ: Đơn trình báo của Đỗ Anh T, sinh năm 1988, trú tại Bản B, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La về việc bị Cưỡng đoạt tài sản. Niêm phong hồi 09 giờ 05 phút, ngày 18 tháng 7 năm 2024, Tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La. Gồm có: 01 phong bì niêm phong đối tượng giám định đã bóc mở + 01 USB gửi giám định". Mặt sau dán giấy niêm phong Công an tỉnh Sơn La, có số seri 060356 trên giấy niêm phong có chữ họ tên của các thành

phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La. Hội đồng xét xử xét thấy vật chứng nêu trên ghi hình quá trình Lò Văn H tự ý tháo chiếc tivi và dắt xe máy để chiếm đoạt tài sản của Đỗ Anh T vào ngày 30/5/2024 do Đỗ Anh T cung cấp nên cần được đưa vào lưu trong hồ sơ vụ án.

3) Đối với: 01 (một) Dây thừng màu trắng, được bện xoắn lại từ 4 dây nhỏ, dài 388 cm, đường kính 0,6 cm, dây đã qua sử dụng; 01 (một) ghế đôn chân đế vòng, chất liệu inox, mặt ghế được dập nổi dòng chữ "TUẤN HƯƠNG INOX 100%", đường kính 30 cm; chân ghế vòng đường kính 40 cm, được gắn 4 vòng cao su màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn khớp nối của gậy bi a 3 khúc (phần khúc giữa), dài 38 cm; thân gây hình trụ gồm một đầu to và một đầu nhỏ, phần đầu to đường kính 2,9 cm, gắn một con ốc đã bị gỉ sét; phần đầu nhỏ đường kính 2,2 cm, có gắn phần khớp nối bằng kim loại màu trắng dài 4,7 cm; trên thân gậy được phủ một lớp nhựa cứng màu đen có họa tiết màu xanh trắng; đã qua sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật không có giá trị sử dụng, cần tiêu hủy là phù hợp với khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với Sằn Văn C, Lò Văn T là những người ký chứng kiến vào giấy bồi thường tổn thất tinh thần. Quá trình điều tra xác định, khi H dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để ép buộc T viết giấy bồi thường thì T và C không không được chứng kiến, không biết nội dung sự việc. Khi C đến sạc nhờ ắc quy máy xúc, cùng lúc này T được H gọi đến nhà nhưng không nói rõ mục đích đến làm gì, trong lúc T đang ngồi uống nước thì H nhờ ký vào giấy bồi thường tổn thất tinh thần, do có mối quan hệ quen biết với H nên và C đã ký vào giấy bồi thường với tư cách là người chứng kiến, nhưng không được thông qua và không biết nội dung ghi trong giấy thỏa thuận. Do đó, không đặt vấn đề xử lý đối với T và C là có căn cứ, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Đối với Lò Văn C, Hoàng Văn T, Điêu Thị L, Hoàng Thị L, Lò Thị C, Lò Văn Ú, Hoàng Thị C, Lò Thị S: Qúa trình điều tra xác định không được tham gia bàn bạc, thống nhất, không có lời nói hoặc hành động uy hiếp tinh thần T, không liên quan đến hành vi cưỡng đoạt tài sản của Lò Văn H, Lò Văn S, Lò Văn N. Do đó, không đặt vấn đề xử lý đối với những người trên là có căn cứ, đảm bảo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi Lò Văn H sử dụng dây thừng màu trắng, dài khoảng 02 mét trói hai tay của T là một hình thức dùng vũ lực nhằm mục đích cưỡng đoạt tài sản, hành vi diễn ra sau khi H ép buộc T viết giấy bồi thường. Do đó, hành vi của Lò Văn H không đủ yếu tố cấu thành tội Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật theo

quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đảm bảo quy định của pháp luật.

Đối với vật chứng là 01 chiếc bút loại chữ A và 01 quyển vở ô li bị cáo Lò Văn H sử dụng để ép buộc T viết giấu bồi thường tổn thất tinh thần, quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận sau khi sự việc xảy ra không biết để các vật chứng nêu trên ở đâu. Cơ quan CSĐT Công an huyện Quỳnh Nhai đã làm biên bản truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả. Do đó, không có căn cứ để xử lý các vật chứng trên.

Đối với Hoàng Đức C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn bạc, BKS: 29M1-543.32; số khung: RLCS3S3106Y100126; số máy: 3S31100126, xe đã qua sử dụng, thuộc quyền sở hữu của Hoàng Đức C. Khoảng cuối năm 2023, anh C mang chiếc xe máy nêu trên đến cửa hàng sửa xe máy của Đỗ Anh T để sửa, nâng cấp xe. Do anh C chưa có tiền để trả cho Đỗ Anh T nên đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai giải quyết trực tiếp với Đỗ Anh T. Nay tại phiên tòa, anh C không có đề nghị gì thêm.

[11] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Lò Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N là người dân tộc sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn – Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N.

[12] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N, Lò Văn S phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 14 (Mười bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời

gian thử thách 28 (Hai tám) tháng. Thời gian thử thánh tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2024).

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai tư) tháng. Thời gian thử thánh tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2024).

Xử phạt bị cáo Lò Văn S 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai tư) tháng. Thời gian thử thánh tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2024).

Giao các bị cáo Lò Văn H và Lò Văn N cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Giao bị cáo Lò Văn S cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 592 BLDS năm 2015

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn N, Lò Văn S và bị hại về danh dự, nhân phẩm tổng số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).* Việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã trả cho bị hại Đỗ Anh T: 01 (một) Ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu Samsung, vỏ nhựa màu đen; mẫu sản phẩm UA9N5500AK; kiểu sản phẩm: UA49N550; loại 50 Inch; sản xuất năm 2019, đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định chiếc ti vi thuộc quyền sở

hữu chung của vợ chồng anh Đỗ Anh T; 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn bạc, BKS: 29M1-543.32; số khung: RLCS3S3106Y100126; số máy: 3S31100126, xe đã qua sử dụng.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) Dây thừng màu trắng, được bện xoắn lại từ 4 dây nhỏ, dài 388 cm, đường kính 0,6 cm, dây đã qua sử dụng; 01 (một) ghế đôn chân đế vòng, chất liệu inox, mặt ghế được dập nổi dòng chữ "TUẤN HƯƠNG INOX 100%", đường kính 30 cm; chân ghế vòng đường kính 40 cm, được gắn 4 vòng cao su màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn khớp nối của gậy bi a 3 khúc (phần khúc giữa), dài 38 cm; thân gây hình trụ gồm một đầu to và một đầu nhỏ, phần đầu to đường kính 2,9 cm, gắn một con ốc đã bị gỉ sét; phần đầu nhỏ đường kính 2,2 cm, có gắn phần khớp nối bằng kim loại màu trắng dài 4,7 cm; trên thân gậy được phủ một lớp nhựa cứng màu đen có họa tiết màu xanh trắng; đã qua sử dụng.

Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) phong bì niêm phong mẫu của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La. Mặt trước ghi: Vật chứng vụ: Đơn trình báo của Đỗ Anh T, sinh năm 1988, trú tại Bản B, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La về việc bị Cưỡng đoạt tài sản. Niêm phong hồi 09 giờ 05 phút, ngày 18 tháng 7 năm 2024, Tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La. Gồm có: 01 phong bì niêm phong đối tượng giám định đã bóc mở + 01 USB gửi giám định". Mặt sau dán giấy niêm phong Công an tỉnh Sơn La, có số seri 060356 trên giấy niêm phong có chữ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 40/2024 ngày 29/8/2024 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Lò Văn S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn H và Lò Văn N.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết

định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2024).

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh;
-VKSND huyện(02);
-Công an;
-CCTHA Dân sự;
-THA hình sự (03);
-Bị cáo (03);
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- UBND xã C;
- UBND xã M;
-Sở tư pháp;
-Lưu án văn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thanh Hường